

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Luật; Chuyên ngành: Luật Kinh tế

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phan Thị Thanh Thủy

2. Ngày tháng năm sinh: 10/08/1970; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):

Phường An Hòa, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Căn hộ 606, nhà CT6, KĐT Mỹ Đình-Mỹ Trì, phố Trần Văn Lai, P. Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Căn hộ 606, nhà CT6, KĐT Mỹ Đình-Mỹ Trì, phố Trần Văn Lai, P. Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại nhà riêng: 024 37876278 ; Điện thoại di động: 0983807028

E-mail: phanthuy.law@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

-Từ tháng, năm: 1/1993 đến tháng 7 năm 1998: Cán bộ Tòa án, công tác tại Tòa án Nhân dân tỉnh Hà Tây, chức danh Thư ký Tòa Hình sự và Tòa Kinh tế.

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HDGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HDGS nhà nước

-Từ tháng, năm: 8/1998 đến tháng 5 năm: 4/2011: Giảng viên luật, công tác tại Học viện Hành chính Quốc gia ; Là giảng viên tại Khoa Nhà nước và Pháp luật và và giảng viên chính (năm 2010) Khoa Sau Đại học ; Trong thời gian này có 4 năm liên tục làm NCS tại Australia (từ 2003-2007);

-Từ tháng, năm: 5/2011 đến tháng, năm: 7/2021 : Giảng viên chính, công tác tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội ; Phó phòng phụ trách Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác phát triển (từ 2014-11/2019) và Phó chủ nhiệm Bộ môn Luật Kinh doanh (từ 06/2020 – nay).

Chức vụ hiện nay: Phó chủ nhiệm Bộ môn Luật Kinh doanh; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó phòng phụ trách.

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Luật Kinh doanh, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Nhà E1, 144 Xuân Thủy, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại cơ quan: 0243754 7787

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng Chưa nghỉ hưu

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 09 tháng 02 năm 1993.; số văn bằng : 36581 Ngành: Luật, Chuyên ngành: Luật Kinh tế;

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Luật Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 09 tháng 09 năm 1997; số văn bằng: 3992; ngành: Luật ; chuyên ngành: Luật Kinh tế;

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Luật Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 16 tháng 03 năm 2009 ; số văn bằng: 162789.; ngành: Luật ; chuyên ngành: Luật Thương mại;

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Công nghệ Sydney (University of Technology, Sydney), Australia (UTS)

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm, ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS cơ sở: Khoa Luật, Đại học Quốc gia, Hà Nội.....

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS ngành, liên ngành: Ngành Luật.....

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Các công trình nghiên cứu khoa học của tác giả tập trung vào 3 hướng nghiên cứu chủ yếu, bao gồm:

Thứ nhất, các nghiên cứu về giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng các biện pháp thay thế (Alternative Dispute Resolution – ADR); còn gọi là các phương thức ngoài tòa án

Thứ hai, các nghiên cứu về bảo vệ người tiêu dùng. Các công trình nghiên cứu tập trung vào các chủ đề như từ khung khổ pháp luật bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam, bảo vệ người tiêu dùng trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực ASEAN, bảo vệ người tiêu dùng trong nền kinh tế số, giải quyết tranh chấp tiêu dùng, đặc biệt là giải quyết tranh chấp tiêu dùng bằng phương thức trực tuyến;

Thứ ba, các nghiên cứu về quản trị công ty và pháp luật quản trị công ty, bao gồm cả quản trị doanh nghiệp xã hội. Theo định hướng này có các bài báo tập trung vào các khía cạnh như tiếp nhận các nguyên tắc quản trị công ty của OECD vào pháp luật công ty Việt Nam, quản trị đại học tư thực phi lợi nhuận phân tích dưới góc độ pháp luật về doanh nghiệp.

Ngoài ra, ứng viên còn có những công trình NCKH là sách chuyên khảo, bài báo nghiên cứu về các chủ đề có tính chất hệ thống về pháp luật kinh doanh thương mại như nghiên cứu về cải cách thể chế và cải cách tư duy xây dựng pháp luật kinh doanh trước các thách thức của hội nhập kinh tế và cách mạng công nghiệp 4.0.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 20 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS
- Đã hoàn thành 03 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên, bao gồm: 02 đề tài cấp cấp cơ sở (Cấp Khoa) và 01 đề tài cấp bộ (cấp Đại học Quốc gia Hà Nội);
- Đã công bố (số lượng) 28 bài báo khoa học, trong đó 05 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (bao gồm 02 bài thuộc danh mục ISI);
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 08, có 06 thuộc nhà xuất bản có uy tín được HDGSNN công nhận, trong đó có 02 sách chuyên khảo do ứng viên là chủ biên hoặc đồng chủ biên
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): danh hiệu lao động tiên tiến, hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: các năm đều đạt danh hiệu lao động tiên tiến, hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Kể từ khi tham gia công tác giảng dạy từ năm 1998 đến nay, ứng viên tự nhận thấy mình đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học của nhà giáo từ các phương diện sau:

- Về nhiệm vụ giảng dạy: luôn hoàn thành vượt mức định mức giảng dạy mà cơ sở đào tạo giao; đảm bảo chất lượng giảng dạy, luôn được sinh viên/ học viên đánh giá tốt theo kỳ học và năm học; tích cực tham gia các công việc liên quan đến đào tạo như tham gia xây dựng chương trình, xây dựng đề cương môn học, bộ câu hỏi thi.
- Về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; Luôn hoàn thành vượt mức chỉ tiêu nghiên cứu khoa học cơ sở đào tạo giao; Nỗ lực nghiên cứu, viết bài báo khoa học để công bố quốc tế; Tận tụy hướng dẫn nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên làm luận án tiến sĩ, luận văn cao học và khóa luận tốt nghiệp.
- Về tư cách đạo đức giảng viên, đạo đức trong NCKH: Giữ gìn đạo đức và chuẩn mực nhà giáo, tận tụy với các nghiên cứu sinh, học viên và sinh viên; trung thực, khách quan trong nghiên cứu khoa học.
- Về hoàn thành nhiệm vụ quản lý: Ứng viên được giao nhiệm vụ quản lý ở cấp phòng và bộ môn và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Về tuân thủ pháp luật và kỷ luật công tác: Luôn tuân thủ pháp luật và kỷ luật làm việc của Khoa Luật và Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 19 năm từ 1998 đến 2021 (không kể 4 năm liên tục làm NCS ở Australia).
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT | Năm học | Số lượng NCS đã hướng dẫn | | Số lượng ThS đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp | | Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*) |
|-----------------|-----------|------------------------------|-----|---------------------------------|--|---|-----|--|
| | | Chính | Phụ | | | ĐH | SĐH | |
| 1 | 2015-2016 | 02 | 01 | 03 | 02 | 240 | 30 | 270/279/81 (được giảm trừ 70%) |
| 2 | 2016-2017 | 02 | 01 | 03 | 02 | 135 | 75 | 210/231/81 (được giảm trừ 70%) |
| 3 | 2017-2018 | 02 | 01 | 03 | 02 | 125 | 75 | 195/226/94,5 (được giảm trừ 65%) |
| 03 năm học cuối | | | | | | | | |
| 4 | 2018-2019 | 01 | 01 | 03 | 02 | 240 | 90 | 330/426/94,5 |

| | | | | | | | | (được giảm trừ 65%) |
|---|-----------|----|----|----|----|-----|-----|---|
| 5 | 2019-2020 | 01 | 01 | 03 | 02 | 210 | 0 | 210/297/113,7 (được giảm trừ 57,9%) |
| 6 | 2020-2021 | 01 | 01 | 02 | 02 | 255 | 135 | 390/630/230 (được giảm trừ 15%) |

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Australia năm 2007

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh, Các môn học Commercial Law, Business Law, Legal Environment of Business

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng Tiến sĩ Luật

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK 2/BSNT | Đối tượng | | Trách nhiệm hướng dẫn | | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|--------------------------------|-----------|------|-----------------------|-----|------------------------------------|------------------------------------|---|
| | | NCS | HVCH | Chính | Phụ | | | |
| 1. | Bùi Thị Hải Như | NCS | | X | | 2013-2018 | Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội | Đã được cấp bằng Tiến sĩ Luật tháng 9/2018 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| | | | | | | | | |
|-----|---------------------|-----|---|---|---|--------------|------------------------------------|---|
| 2. | Đặng Văn Huy | NCS | | X | | 2014-2019 | Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội | Đã bảo vệ xong cấp Đại học Quốc gia Hà Nội 2020 |
| 3. | Cao Xuân Quảng | NCS | | | X | 11/2014-2019 | Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội | Đã bảo vệ xong cấp cơ sở 2020 |
| 4. | Hoàng Tố Nguyên | | X | X | | 2011-213 | Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội | 2014 |
| 5. | Đinh Thị Trang | | X | X | | 2011-2013 | Khoa Luật | 2014 |
| 6. | Nguyễn Thanh Thúy | | X | X | | 2012-2014 | Khoa Luật | 2014 |
| 7. | Nguyễn Minh Thùy | | X | X | | 2012-2014 | Khoa Luật | 2014 |
| 8. | Mai Hà Uyên | | X | X | | 2012-2015 | Khoa Luật | 2015 |
| 9. | Ngô Thị Kiều Trang | | X | X | | 2014-2015 | Khoa Luật | 2015 |
| 10. | Phạm Lê Mai Ly | | X | X | | 2014-2015 | Khoa Luật | 2015 |
| 11. | Ngô Thị Thanh Tuyền | | X | X | | 2014-2015 | Khoa Luật | 2015 |
| 12. | Lương Đình Thi | | X | X | | 2014-2016 | Khoa Luật | 2016 |
| 13. | Trần Thị Minh Hiền | | X | X | | 2015-2016 | Khoa Luật | 2016 |
| 14. | Nguyễn Ngọc Yên | | X | X | | 2015-2016 | Khoa Luật | 2016 |
| 15. | Đậu Đức Sáu | | X | X | | 2016-2017 | Khoa Luật | 2017 |
| 16. | Lê Hồng Hạnh | | X | X | | 2016-2017 | Khoa Luật | 2017 |
| 17. | Nguyễn Hải Long | | X | X | | 2016-2017 | Khoa Luật | 2017 |
| 18. | Trần Thị Phương Lan | | X | X | | 2017-2018 | Khoa Luật | 2018 |
| 19. | Nguyễn Đức Thịnh | | X | X | | 2017-2018 | Khoa Luật | 2018 |
| 20. | Vũ Thị Nga | | X | X | | 2018-2019 | Khoa Luật | 2019 |
| 21. | Trần Mai Thùy Linh | | X | X | | 2018-2019 | Khoa Luật | 2019 |

| | | | | | | | | |
|-----|------------------|--|---|---|--|-----------|-----------|------|
| 22. | Nguyễn Minh Đức | | X | X | | 2019-2020 | Khoa Luật | 2020 |
| 23. | Phạm Quỳnh Hương | | X | X | | 2019-2020 | Khoa Luật | 2020 |

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|----|--|----------------------------|---|------------|---|---|--|
| I | Trước khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |
| 1 | Hướng dẫn ban hành và quản lý văn bản của doanh nghiệp | TK | NXB Thống kê, 2002 Giấy phép xuất bản số 15-104/XB-QLXB do Cục XB cấp ngày 30/1/2002 (Năm 2002 chưa có ISBN) | 06 | Chủ biên; TS. Lê Kiếm Thanh | Đồng tác giả sách, Biên soạn Chương 2 (tr.37-60) | |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |
| 1 | Hiến pháp: Những vấn đề lý luận và thực tiễn | CK | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011 ISBN: 9786046206248) | 54 | Đồng chủ biên: GS.TSKH. Đào Trí Úc, GS.TS. Phạm Hồng Thái, TS. Vũ Công Giao | Đồng tác giả sách Biên soạn bài viết (tr. 540-551) | Có xác nhận sử dụng sách của Khoa Luật (Đóng kèm hồ sơ) |
| 2 | Các thiết chế hiến định độc lập – Kinh nghiệm quốc tế và triển vọng ở Việt Nam | CK | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013 QĐ XB số 07LK-XH/QĐ-NXB-ĐHQGHN; Số XB: 87-2013/CXB/03-03/ĐHQGHN ngày 17/01/2013 ISBN: 9786046207962 | 15 | Đồng chủ biên GS. TSKH Đào Trí Úc - GS.TS. Nguyễn Thị Mơ - TS. Nguyễn Văn Thuận - TS. Vũ Công Giao | Đồng tác giả sách, Biên soạn (tr. 181-196) | Có xác nhận sử dụng sách của Khoa Luật (Đóng kèm hồ sơ) |

| | | | | | | | |
|---|---|----|---|----|--|--|---|
| 3 | Lý thuyết kiểm soát xã hội đối với tội phạm và ứng dụng ở Việt Nam | CK | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016 Số XB: 2919-2015/CXBIPH/27-347/ĐHQGHN ngày 06/10/2015 QĐ XB: 1344 LK-XH/QĐ-NXB ĐHQGHN ngày 31/12/2015 ISBN: 9786046238713 | 7 | Chủ biên: PGS.TS. Trịnh Tiến Việt | Đồng tác giả sách, Biên soạn Chương 8 (tr. 385-413) | Có xác nhận sử dụng sách của Khoa Luật (Đóng kèm hồ sơ) |
| 4 | Ảnh hưởng của thương mại tự do đến nhân quyền | CK | NXB Hồng Đức, 2018 Số XNĐKXB:2080-2016/CXBIPH/09-36/HĐ QĐXB số 1363/QĐ-NXB HĐ ISBN: 978-604-948-594-7 | 19 | Đồng chủ biên PGS.TS. Lê Thị Hoài Thu và PGS.TS. Vũ Công Giao | Đồng tác giả sách, Biên soạn (tr. 268-283) | Có xác nhận sử dụng sách của Khoa Luật (Đóng kèm hồ sơ) |
| 5 | Kỷ yếu hội thảo quốc tế: Pháp luật kinh doanh và dân sự hiện đại của Việt Nam và CHLB Đức: Những vấn đề nổi bật từ góc nhìn so sánh | CK | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018 Số XB: 4027-2018/CXBIPH/02-359/ĐHQGHN ngày 07/11/2018; QĐXB số 1373/KH-XH/QĐ-NXB ĐHQGHN ngày 09/11/2018 ISBN: 978-604-6258-773 | 14 | Đồng chủ biên: PGS.TS. Nguyễn Thị Quế Anh, GS.TS. Michael Jaensch và TS. Phan Thị Thanh Thủy | Đồng chủ biên, Đồng tác giả sách, Biên soạn (tr.78-97) | Có xác nhận sử dụng sách của Khoa Luật (Đóng kèm hồ sơ) |

| | | | | | | | |
|---|---|----|---|----|--------------------------------------|---|---|
| 6 | Thể chế pháp luật kinh doanh Việt Nam trong bối cảnh hội nhập cộng đồng kinh tế ASEAN | CK | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019 Số XB: 2280-2019/CXBIPH/01-183/ĐHQGHN ngày 25/6/2019 Quyết định XB số: 883KH-XH/QĐ-NXB ĐHQGHN ngày 03/7/2019 ISBN: 978-604-9832-86-4 | 04 | Chủ biên: TS. Phan Thị Thanh Thủy | - Biên soạn các chương: Chương 1(tr.15-43), Chương 6(tr.245-268), Chương 7(tr.269-310) Chương 9 (tr.355-370) Lời nói đầu (tr.13-14) Lời kết (tr.371-376) -Đồng tác giả Chương 3 (tr.91-137) | Có xác nhận sử dụng sách của Khoa Luật (Đóng kèm hồ sơ) |
| 7 | Hoàn thiện pháp luật kinh doanh tại Việt Nam nhằm đáp ứng các yêu cầu của hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới | CK | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021 Số ĐKXB: 700-2021/CXBIPH/34-74/ĐHQGHN, ngày 04/3/2021 QĐ XB số: 07KH-XH/QĐ-NXB ĐHQGHN ngày 25/3/2021 ISBN: 978-604-324-243-0 | 19 | Chủ biên: PGS.TS. Lê Thị Hoài Thu | Đồng tác giả Biên soạn bài viết 18 (tr. 409-456) | Có xác nhận sử dụng sách của Khoa Luật (Đóng kèm hồ sơ) |

Trong các sách xuất bản nói trên có: 02 sách chuyên khảo do Nxb có uy tín xuất bản mà ứng viên là chủ biên và đồng chủ biên, cụ thể:

(1). Sách chuyên khảo “*Thể chế pháp luật kinh doanh Việt Nam trong bối cảnh hội nhập cộng đồng kinh tế ASEAN*” ứng viên là chủ biên sau TS do Nxb có uy tín (Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội) xuất bản (Số TT 6);

(2). Sách chuyên khảo “*Kỷ yếu hội thảo quốc tế: Pháp luật kinh doanh và dân sự hiện đại của Việt Nam và CHLB Đức: Những vấn đề nổi bật từ góc nhìn so sánh*” tác giả là đồng chủ biên sau TS do Nxb có uy tín (Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội) xuất bản (Số TT 5)

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|----|--|-----------|----------------------|---------------------|---|
|----|--|-----------|----------------------|---------------------|---|

| | | | | | |
|-----|--|----|---|-----------|----------------------------|
| I | Trước khi được công nhận PGS/TS | | | | |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |
| II | Sau khi được công nhận TS | | | | |
| 1 | ĐT: Hoàn thiện thể chế pháp luật kinh doanh Việt Nam để hội nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN | CN | QG 16.63 Đại học Quốc gia Hà Nội | 2016-2018 | 26/12/2018 Xếp loại tốt |
| 2 | ĐT: Đảm bảo quyền tự do lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ở Việt Nam | CN | KL 13.05 Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội | 2013-2014 | 27/01/2015 Xếp loại tốt |
| 3 | ĐT: Mô hình đào tạo luật của một số nước trên thế giới – Kinh nghiệm cho việc xây dựng Đại học Luật trong Đại học Quốc gia Hà Nội | CN | KL 14.01 Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội | 2014-2015 | 15/8/2015 Xếp loại tốt |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thủ ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|---------------------------------|------------|------------------|---|---|--|-------------------------|--------------------|
| I | Trước khi được công nhận PGS/TS | | | | | | | |
| 1. | Tim hiểu Luật Doanh nghiệp | 1 | Tác giả | Tạp chí Quản lý Nhà nước | | | Số 1(48)/ 2000 Tr.47-51 | 1/2000 |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS | | | | | | | |
| 1. | The development of Law on | 1 | Tác giả | Logistics and Law, the Institute of | Tạp chí quốc tế uy tín được Hội đồng GSNN công | | Vol.5 November 2013 | 11/2013 |

| | | | | | | | |
|----|---|---|---|--|------------------------|---------------------------------|---------|
| | Logistics in Vietnam | | Legal Studies Inha University, Korea ISSN: 2093-8934 | nhận tại Phụ lục IV, Danh mục số 14. Tạp chí HĐGS ngành Luật ban hành kèm theo QĐ số 18/HĐGSNN ngày 30/6/2020 (số TT 7; Tr.91) | | | |
| 2. | Bàn về mối quan hệ giữa phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng trong pháp luật Việt Nam | 1 | Tác giả | Tạp chí Khoa học Kiểm sát, Đại học Kiểm sát (ISSN: 2354 -063X), | IF:2 Google Scholar | Số 2/2014 24-29 | 02/2014 |
| 3. | So sánh các quy định về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng trong Luật Thương mại Việt Nam 2005 và Công ước Viên 1980 | 1 | Tác giả | Tạp chí Khoa học, ĐHQGHN: Luật học, NXB ĐHQGHN (ISSN: 0866-8612) | IF:3 Google Scholar | Tập 30, Số 3 (2014) 50-60 | 09/2014 |
| 4. | Doanh nghiệp xã hội theo Luật Doanh nghiệp 2014 | 1 | Tác giả | Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (ISSN: 9866-7535) | IF:2 Google Scholar | Số 6(279)/2015 24-28 | 06/2015 |
| 5. | Những vấn đề lý luận về giải quyết tranh chấp thương mại bằng các biện pháp thay thế | 1 | Tác giả | Tạp chí Khoa học Kiểm sát, Đại học Kiểm sát (ISSN: 2354 -063X), | IF:4 Google Scholar | Số 04(08)/2015 9-16 | 04/2015 |
| 6. | Hình thức pháp lý của doanh nghiệp xã hội: Kinh nghiệm nước | 1 | Tác giả | Tạp chí Khoa học, ĐHQGHN: Luật học, | IF:5 Google Scholar | Tập 31, Số 4(2015) 56-64 | 12/2015 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HDGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HDGS nhà nước

| | | | | | | | |
|----|---|---|-------------------|---|-------------------------|-----------------------------|---------|
| | Anh và một số gợi mở cho Việt Nam | | (ISSN: 0866-8612) | | | | |
| 7. | Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giải quyết tranh chấp bằng thương lượng ở Việt Nam | 1 | Tác giả | Tạp chí Khoa học Kiểm sát, Đại học Kiểm sát (ISSN: 2354 -063X), | | Số 02(10)/ 2016 35-41 | 02/2016 |
| 8. | Giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải ở Việt Nam: Một số vấn đề pháp lý cần quan tâm | 1 | Tác giả | Tạp chí Khoa học, ĐHQGHN: Luật học, (ISSN: 0866-8612) | IF:1 Google Scholar | Tập 32, số 2/2016 44-50 | 06/2016 |
| 9. | Bảo vệ người tiêu dùng trong Cộng đồng Kinh tế ASEAN và một số vấn đề pháp lý đặt ra | 1 | Tác giả | Tạp chí Nhà nước và Pháp luật ISSN 0866-7446 | | Số 7(339)/ 2016 63-69 | 07/2016 |
| 10 | Một số vấn đề pháp lý trong giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và bên cung cấp hàng hóa dịch vụ bằng thương lượng | 1 | Tác giả | Tạp chí Nhà nước và Pháp luật ISSN 0866-7446X | IF: 4 Google Scholar | Số 11(343)/ 2016 54-61 | 11/2016 |
| 11 | Giải quyết tranh chấp thương mại trực tuyến: Những vấn đề pháp lý đặt ra cho Việt Nam | 1 | Tác giả | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học (ISSN: 0866-8612) | IF:1 Google Scholar | Tập 32 Số 4 (2016) 38-45 | 12/2016 |

| | | | | | | | |
|----|---|---|---------|---|--|----------------------------|---------|
| 12 | Giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và thương nhân bằng phương thức trực tuyến ở Liên minh châu Âu và một số gợi mở cho Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á | 1 | Tác giả | Tạp chí Nhà nước và Pháp luật ISSN 0866-7446 | | Số 3(347)/2017 55-64 | 03/2017 |
| 13 | Cơ chế giải quyết khiếu nại của người tiêu dùng bằng phương thức trực tuyến ở Việt Nam – Thực trạng và giải pháp | 2 | Tác giả | Tạp chí Khoa học Kiểm sát, Đại học Kiểm sát (ISSN: 2354 -063X), | | Số 03(17)/2017 55-62 | 03/2017 |
| 14 | Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế - Những thách thức đối với Chính phủ Việt Nam | 1 | Tác giả | Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (ISSN: 9866-7535) | | Số 4(301)/2017 37-41 | 04/2017 |
| 15 | Consumer Dispute Settlement in Vietnam and Taiwan – A Comparative Perspective | 1 | Tác giả | Chung Cheng Financial and Economic Law Review ISSN 2078-7375 Angle Publishing House | <i>Tạp chí quốc tế uy tín</i> được Hội đồng GSNN công nhận tại Phụ lục IV, Danh mục số 14. Tạp chí HDGS ngành Luật ban hành kèm theo QĐ số 18/HDGSNN ngày 30/6/2020 (số TT 5; Tr.90). | No. 15 July 2017 97-140 | 07/2017 |
| 16 | Bàn về tính minh bạch trong quản trị | 1 | Tác giả | Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp | | Số 1(353)/2018 | 01/2018 |

| | | | | | | | | |
|----|--|---|---------|--|---|------------------------|---------------------------------|---------|
| | công ty cổ phần ở Việt Nam | | | ISSN 1859-2953 | | | 50-58 | |
| 17 | Kiện tập thẻ trong giải quyết tranh chấp tiêu dùng ASEAN và một số gợi ý cho Việt Nam | 1 | Tác giả | Tạp chí Nhà nước và Pháp luật ISSN 0866-7446 | | IF 4 Google Scholar | Số 1(357)/ 2018 40-49 | 01/2018 |
| 18 | Trách nhiệm giải trình trong quản trị công ty ở Việt Nam: Từ lý luận đến thực tiễn | 1 | Tác giả | Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp ISSN 1859-2953 | | | Số 11(363)/ 2018 23-29 | 06/2018 |
| 19 | Từ vụ kiện Apple Inc. làm chậm iPhone ở Việt Nam, Bàn về xu hướng khởi kiện tập thể trong giải quyết tranh chấp tiêu dùng | 1 | Tác giả | Tạp chí Khoa học, ĐHQGHN: Luật học, NXB ĐHQGHN (ISSN: 0866-8612) | | IF:3 Google Scholar | Tập 34, Số 2 (2018) 75-83 | 02/2018 |
| 20 | Legal and Policy Issues of Social Enterprises in Vietnam: Some suggestions from Taiwan | 1 | Tác giả | Tunghai University Law Review, ISSN 1026-7247 | Tạp chí quốc tế uy tín được Hội đồng GSNN công nhận tại Phụ lục IV, Danh mục số 14. Tạp chí HĐGS ngành Luật ban hành kèm theo QĐ số 18/HĐGSNN ngày 30/6/2020 (số TT 6; Tr.90). | | No.55 August 2018 173-216 | 08/2018 |

| | | | | | | | | |
|----|---|---|---------------|---|--|--|--|---------|
| 21 | Giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán chung cư ở Việt Nam từ quan điểm bảo vệ người tiêu dùng | 1 | Tác giả | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học ISSN: 2615-9333 e-ISSN:2588-1167 | | | Tập 34, Số 4 (2018) 103-112 | 12/2018 |
| 22 | Quản trị công ty cổ phần theo pháp luật Hàn Quốc: một vài gợi ý cho Việt Nam | 1 | Tác giả | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học ISSN: 2615-9333 e-ISSN:2588-1167 | | | Tập. 36, No. 2 (2020) 35-44 | 06/2020 |
| 23 | Trách nhiệm sản phẩm nghiêm ngặt trong pháp luật bảo vệ người tiêu dùng Hoa Kỳ: Một số gợi ý cho Việt Nam | 1 | Tác giả | Tạp chí Nhà nước và Pháp luật ISSN 0866-7446 | | | Số 3(395)/2021 Tr.74-84 | 03/2021 |
| 24 | Consumer protection in Vietnam - an analysis from legal perspective | 1 | Tác giả | International Journal of Management (IJM) ISSN Print: 0976-6502; ISSN Online: 0976-6510 https://iaeme.com/ MasterAdmin/Journal_uploads/IJM/VOLUME_12_ISSUE_3/IJM_12_03_077.pdf | | | Volume 12, Issue 3, March 2021, pp.791-804 | 03/2021 |
| 25 | Discussion on the Governance of Non - profit Private Universities in Vietnam: | 2 | Tác giả chính | Psychology and Education (E-ISSN 1553 – 6939) http://psychologyandeducation.net/pae/index.php/pae/article/view/5677 | | | Vol. 58, Issue 4 (2021) pp. 4434-4445 | 04/2021 |

| | | | | | | | |
|----|--|---|---------|--|-----------------------------------|---|---------|
| | Analyses from a Legal Perspective | | | | | | |
| 26 | Consumer Protection in the Digital Economy and Its Legal Challenges | 1 | Tác giả | Revista Geintec-Gestao Inovacao E Tecnologias ISSN 2237-0722 Publisher: Assoc Acad Propriedade Intelectual https://www.revista geintec.net/index.php/revista/article/vie w/1705 | Tạp chí thuộc danh mục ISI (ESCI) | Vol. 11, No. 2 (2021) pp.686 -700 | 06/2021 |
| 27 | The Role of Supervisory Board in Corporate Governance in Vietnam: From Legal Regulations to Practice | 1 | Tác giả | Revista Geintec-Gestao Inovacao E Tecnologias ISSN 2237-0722 Publisher: Assoc Acad Propriedade Intelectual https://www.revista geintec.net/index.php/revista/article/vie w/2300 | Tạp chí thuộc danh mục ISI (ESCI) | Vol. 11, No. 4 (2021) pp. 2546- 2563 | 07/2021 |

Trong số các bài báo nói trên, UV có tổng số 5 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín và là tác giả sau khi công nhận bằng TS, cụ thể:

- 02 bài báo thuộc danh mục ISI (ESCI), UV là tác giả bao gồm:
 - + *Consumer Protection in the Digital Economy and Its Legal Challenges*, Tạp chí Revista Geintec-Gestao Inovacao E Tecnologias, xuất bản bởi Assoc Acad Propriedade Intelectual Publisher (Số TT kê khai 26)
 - + *The Role of Supervisory Board in Corporate Governance in Vietnam: From Legal Regulations to Practice*, Tạp chí Revista Geintec-Gestao Inovacao E Tecnologias, xuất bản bởi Assoc Acad Propriedade Intelectual Publisher (Số TT kê khai 27)

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- 03 bài báo quốc tế uy tín được Hội đồng GSNN công nhận tại Phụ lục IV, Danh mục số 14. Tạp chí HĐGS ngành Luật ban hành kèm theo QĐ số 18/ HĐGSNN ngày 30/6/2020, bao gồm:

- + *The development of Law on Logistics in Vietnam*, Tạp chí *Logistics and Law, The Institute of Legal Studies Inha University, Korea* xuất bản năm 2013 (số TT kê khai 1)
- + *Consumer Dispute Settlement in Vietnam and Taiwan – A Comparative Perspective*, Tạp chí *Chung Cheng Financial and Economic Law Review*, NXB Angle Publishing House 2017 (Số TT kê khai 15);
- + *Legal and Policy Issues of Social Enterprises in Vietnam: Some suggestions from Vietnam*, Tạp chí *Tunghai University Law Review*, do Tunghai University xuất bản 2018; (Số TT kê khai 20)

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|-----------------------------|------------|------------------|---|---|----------------|--------------------|
| I | Trước khi được công nhận TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | |
| II | Sau khi được công nhận TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | |

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/đồng tác giả | Số tác giả |
|-----|--|-----------------|--------------------|----------------------------|------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

| TT | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|-----|--|---------------------------|--|----------------------------------|------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú |
|-----|---|--------------------------------|--|------------------------------------|---------------------------------|---------|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| ... | | | | | | |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, để xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không thiếu thâm niên đào tạo

- Giờ giảng dạy: Không thiếu giờ giảng dạy trực tiếp / giờ chuẩn

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không thiếu.

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không thiếu

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT: Đã hướng dẫn chính trên 02 HVCH

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Để xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Để xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Để xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Để xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Để xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HDGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HDGS nhà nước

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Ứng viên đề xuất công trình thay thế 01 bài báo ISI/Scopus còn thiếu bằng sách chuyên khảo “**Thể chế pháp luật kinh doanh Việt Nam trong bối cảnh hội nhập cộng đồng kinh tế ASEAN**”, Chủ biên TS. Phan Thị Thanh Thủy (ứng viên), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019 (ISBN: 978-604-9832-86-4) đã kê khai thông tin ở trên.

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

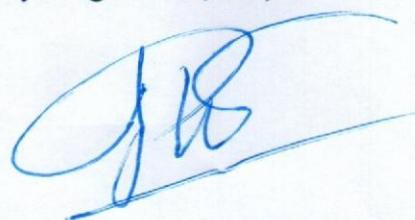
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phan Thị Thanh Thủy